

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/TT-BGDĐT

*Hà Nội, ngày tháng năm 2023*

**DỰ THẢO**  
**Ngày 31.01.2023**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thông tư này quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, **bao gồm cả các chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài có chung các điều kiện bảo đảm chất lượng.**”

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

## **“Điều 2. Mục đích**

**Làm căn cứ để cơ sở đào tạo thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong việc xác định và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm dựa trên các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động.”**

3. Bổ sung khoản 8 và khoản 9 vào Điều 3 cụ thể như sau:

**“8. Chỉ tiêu tuyển sinh là kế hoạch dự kiến tuyển sinh của cơ sở đào tạo xác định hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo, cơ sở đào tạo công bố công khai trên cơ sở điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và quy định về xác định chỉ tiêu tại Thông tư này.**

**9. Năng lực đào tạo là quy mô đào tạo tối đa xác định trên cơ sở các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định về xác định chỉ tiêu tại Thông tư này.”**

4. Khoản 3, khoản 4 và khoản 7 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“3. Chỉ tiêu tuyển sinh đại học xác định theo từng ngành, nhóm ngành và phải bảo đảm quy mô đào tạo không vượt quá năng lực đào tạo của lĩnh vực đào tạo tương ứng. Chỉ tiêu tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ; chỉ tiêu tuyển sinh **các ngành đào tạo giáo viên** xác định theo từng ngành đào tạo, bảo đảm quy mô đào tạo không vượt quá năng lực đào tạo của ngành đào tạo đó.**

**4. Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định trên cơ sở năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực, tỉ lệ sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (đối với đào tạo chính quy trình độ cao đẳng, đại học), **kết quả kiểm định cơ sở giáo dục và** kết quả tuyển sinh của năm tuyển sinh trước liền kề với năm xác định chỉ tiêu và tổ chức tuyển sinh của cơ sở đào tạo, cụ thể:**

a) Chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo được xác định phù hợp với năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo theo quy định từ Điều 7 đến Điều 12 Thông tư này;

b) Chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo không được tăng trong các trường hợp sau:

- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo từng trình độ và theo từng lĩnh vực (đối với chỉ tiêu đại học) hoặc theo từng ngành (đối với chỉ tiêu thạc sĩ, tiến sĩ) không được tăng so với năm tuyển sinh trước liền kề với năm xác định chỉ tiêu và tổ chức tuyển sinh của cơ sở đào tạo nếu cơ sở đào tạo không có **giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo còn thời hạn;**

- Chỉ tiêu tuyển sinh của lĩnh vực không được tăng so với năm tuyển sinh trước liền kề với năm xác định chỉ tiêu và tổ chức tuyển sinh của lĩnh vực đó nếu

tỉ lệ số sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp của lĩnh vực đó đạt dưới 80% hoặc tỉ lệ thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của lĩnh vực đó ở năm tuyển sinh liền kề trước năm tuyển sinh đạt dưới 80% (áp dụng đối với xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, trừ trường hợp ngành đào tạo ở trình độ đại học có chương trình đào tạo được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo quy định của pháp luật).

5. Đối với các ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định và thông báo chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo ở trình độ cao đẳng, trình độ đại học hình thức chính quy trên cơ sở năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo, nhu cầu sử dụng của các địa phương và cả nước. **Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo, cơ sở đào tạo rà soát, đề xuất báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định theo nguyên tắc nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh các ngành đào tạo giáo viên của cơ sở đào tạo được thông báo và chỉ tiêu điều chỉnh của từng ngành không quá 30% so với chỉ tiêu đã thông báo cho ngành đào tạo đó. Đối với chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng, đại học theo hình thức vừa làm vừa học và chỉ tiêu đào tạo thạc sĩ tiến sĩ của các ngành đào tạo giáo viên, cơ sở đào tạo tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.”**

5. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**”Điều 5. Quy định về giảng viên trong xác định năng lực đào tạo**

**”1. Mỗi giảng viên của cơ sở đào tạo được xếp vào một hoặc nhiều ngành đào tạo ở trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đảm bảo phù hợp về chuyên môn với học phần/ môn học mà giảng viên đó tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo đó; đồng thời việc sắp xếp đội ngũ giảng viên phải đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo.**

**Trường hợp một giảng viên được sắp xếp vào nhiều ngành đào tạo thì cơ sở đào tạo phải xác định cụ thể tỷ trọng tham gia của giảng viên đó đối với từng ngành nhưng đảm bảo tổng tỷ trọng của mỗi giảng viên không vượt quá 100%.**

2. Quy định giảng viên trong xác định năng lực đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng:

a) Tổng số giảng viên quy đổi theo lĩnh vực đào tạo (trừ nhóm ngành Đào tạo giáo viên) bao gồm số giảng viên toàn thời gian quy đổi và giảng viên thỉnh giảng quy đổi tương ứng của lĩnh vực đào tạo đó; tổng số giảng viên quy đổi theo ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên là số giảng viên toàn thời gian quy đổi của ngành đào tạo đó (giảng viên thỉnh giảng không được tính để xác định năng lực đào tạo);

b) Số giảng viên thỉnh giảng quy đổi được tính tối đa bằng 10% tổng số giảng viên toàn thời gian quy đổi của cơ sở đào tạo xác định theo lĩnh vực đào tạo. Riêng các ngành đào tạo đặc thù thuộc lĩnh vực Nghệ thuật và các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này), số giảng viên thỉnh giảng quy đổi được tính tối đa bằng 40% số giảng viên toàn thời gian quy đổi của cơ sở đào tạo xác định theo lĩnh vực đào tạo;

c) Hệ số quy đổi giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, trình độ đại học của cơ sở đào tạo có chức danh, trình độ khác nhau quy định tại Bảng 1, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; trong đó mỗi giảng viên chỉ được tính quy đổi một lần ở mức quy đổi cao nhất;

d) Đối với ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bao gồm: ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin, lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân (quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này) và các ngành đào tạo theo đề án được Thủ tướng chính phủ phê duyệt (Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố trong từng giai đoạn và được điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở căn cứ nhu cầu nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo chủ trương, định hướng của Nhà nước), giảng viên thỉnh giảng được xác định bao gồm cả các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý là những người lao động có bằng tốt nghiệp trình độ đại học cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành với ngành tham gia đào tạo, đồng thời có từ 05 năm trở lên về kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp tại doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp gắn với ngành và lĩnh vực đào tạo làm giảng viên trợ giảng và được tính hệ số theo quy định tại điểm c khoản này.

3. Quy định giảng viên trong xác định năng lực đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ:

a) Tổng số giảng viên theo ngành đào tạo bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng của cơ sở đào tạo có trình độ/chức danh đáp ứng yêu cầu của giảng viên giảng dạy chương trình thạc sĩ, tiến sĩ và phù hợp về chuyên môn tương ứng của ngành đào tạo đó;

b) Số lượng giảng viên thỉnh giảng để xác định chỉ tiêu tuyển sinh được tính tối đa bằng 10% tổng số giảng viên toàn thời gian của cơ sở đào tạo xác định theo ngành đào tạo. Riêng các ngành đào tạo đặc thù thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, số lượng giảng viên thỉnh giảng được tính tối đa bằng 40% tổng số giảng viên toàn thời gian của cơ sở đào tạo xác định theo ngành đào tạo.

4. Đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo đặc thù thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, hệ số giảng viên thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này và theo quy định sau:

a) Giảng viên trợ giảng là Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, Nghệ nhân Nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo Nhân dân được Nhà nước công nhận, trao tặng, đồng thời có bằng tốt nghiệp trình độ đại học cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành với ngành tham gia đào tạo được tính hệ số như giảng viên có trình độ thạc sĩ;

b) Giảng viên là Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân được Nhà nước công nhận, trao tặng, đồng thời có bằng tốt nghiệp trình độ thạc sĩ cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành với ngành tham gia đào tạo được tính hệ số như giảng viên có trình độ tiến sĩ;

c) Giảng viên có danh hiệu là Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân được Nhà nước công nhận, trao tặng, đồng thời có bằng tiến sĩ cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành với ngành tham gia đào tạo được tính hệ số như giảng viên có chức danh phó giáo sư;

d) Giảng viên có danh hiệu là Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân được Nhà nước công nhận, trao tặng, đồng thời có bằng tiến sĩ và học hàm phó giáo sư cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành với ngành tham gia đào tạo được tính hệ số như giảng viên có chức danh giáo sư.

5. Riêng đối với các ngành đào tạo ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, giảng viên là người

dân tộc thiểu số hoặc người có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với ngôn ngữ văn hóa dân tộc thiểu số của ngành tham gia đào tạo:

a) Nếu có bằng tốt nghiệp trình độ đại học cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành với ngành tham gia đào tạo thì được tính hệ số như giảng viên có trình độ thạc sĩ;

b) Nếu có bằng tốt nghiệp trình độ thạc sĩ cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành với ngành tham gia đào tạo được tính hệ số như giảng viên có trình độ tiến sĩ;

c) Nếu có bằng tiến sĩ cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành với ngành tham gia đào tạo thì được tính hệ số như giảng viên có chức danh phó giáo sư;

**d) Nếu** có bằng tiến sĩ và chức danh phó giáo sư cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành với ngành tham gia đào tạo được tính hệ số như giảng viên có chức danh giáo sư.

6. Quy định về giảng viên đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe (theo Danh mục thống kê ngành đào tạo) thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều này và theo quy định sau:

a) Đối với cơ sở đào tạo có tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo lĩnh vực Sức khỏe được xác định người giảng dạy thực hành của cơ sở thực hành công lập thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2017 về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành Sức khỏe là giảng viên toàn thời gian của cơ sở đào tạo nếu đã được bổ nhiệm kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý từ cấp bộ môn trở lên tại cơ sở đào tạo;

b) Giảng viên có bằng bác sĩ nội trú, bằng chuyên khoa cấp I các chuyên ngành thuộc ngành tham gia đào tạo được tính hệ số như giảng viên có trình độ thạc sĩ; giảng viên có bằng chuyên khoa cấp II các chuyên ngành thuộc ngành tham gia đào tạo được tính hệ số như giảng viên có trình độ tiến sĩ.”

6. Sửa đổi tên Điều 6 thành **“Điều 6. Tiêu chí và cách tính theo tiêu chí xác định năng lực đào tạo cao đẳng, đại học hình thức chính quy”**

7. Khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định và thông báo chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, chỉ tiêu tuyển sinh đại học các ngành đào tạo giáo viên hình thức chính quy theo ngành đào tạo cho từng cơ sở đào tạo trên cơ sở năng lực đào tạo của cơ sở đào tạo, nhu cầu sử dụng của địa phương và cả nước, **khả năng cân đối ngân sách của các địa phương**, phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.”



8. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 9. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng, đại học vừa làm vừa học**

1. Chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học của một lĩnh vực đào tạo, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, được xác định không vượt quá 30% chỉ tiêu tuyển sinh chính quy **tính theo năng lực đào tạo của lĩnh vực đó.**

2. Đối với nhóm ngành Đào tạo giáo viên, chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo đại học hoặc cao đẳng hình thức vừa làm vừa học của một ngành được xác định không quá 50% chỉ tiêu tuyển sinh chính quy **tính theo năng lực đào tạo của ngành đó.**

3. Đối với lĩnh vực Nghệ thuật, chỉ tiêu tuyển sinh đại học hình thức vừa làm vừa học được xác định không vượt quá 50% chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy **tính theo năng lực đào tạo của lĩnh vực đó.**

4. Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh đại học vừa làm vừa học của cơ sở đào tạo, trong đó tỉ lệ chỉ tiêu đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng lên trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học xác định theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hình thức vừa làm vừa học nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng vừa làm vừa học của cơ sở đào tạo.

5. Đối với chỉ tiêu đào tạo liên thông hình thức vừa làm vừa học thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định và thông báo cho cơ sở đào tạo trên cơ sở nhu cầu của các địa phương và năng lực đào tạo của các cơ sở đào tạo

9. Khoản 2, Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Cơ sở đào tạo cập nhật đầy đủ các thông tin, số liệu chi tiết về các tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh đã được xác định, kết quả thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh vào phần mềm quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo. **Trường hợp cơ sở đào tạo có thay đổi, cần điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo để xác định chỉ tiêu theo quy định tại Thông tư này so với so với thời điểm đã xác định và công bố chỉ tiêu lần đầu trong năm tuyển sinh, cơ sở đào tạo được điều chỉnh chỉ tiêu một lần trước thời điểm xét tuyển đại học, cao đẳng**

ngành Giáo dục Mầm non đợt 1 tối thiểu ít nhất 30 ngày làm việc theo nguyên tắc chỉ tiêu điều chỉnh của cơ sở đào tạo phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Thông tư này, đồng thời, cơ sở đào tạo phải cập nhật sự thay đổi, điều chỉnh của cơ sở đào tạo vào phần mềm quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo để theo dõi, giám sát và quản lý.

10. Khoản 3, Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh theo từng lĩnh vực đào tạo đối với trình độ đại học (trừ các ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng tuyển sinh theo từng ngành), theo từng ngành đối với trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu đã được cơ sở đào tạo xác định và công bố công khai, đồng thời đảm bảo quy mô đào tạo **không vượt quá năng** lực đào tạo theo quy định của Thông tư này.”

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 4 năm 2023.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc sở giáo dục - khoa học và công nghệ; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng trường đại học; Hiệu trưởng trường cao đẳng, Hiệu trưởng trường trung cấp tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD TNTNND của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo TƯ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDĐH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Hoàng Minh Sơn**